TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Liêm.

2. Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Bà Ô Kim X, sinh năm 1960. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Ông D và bà X tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện đã 37 năm (sống chung năm 1983), có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc trong gia đình, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cải vã với nhau, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay và ông D không sống chung với gia đình, ở riêng.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên ông D yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Ô Kim X.

- *Về con chung*: Có 04 người con chung, người con lớn nhất là Nguyễn Tuấn Em – sinh năm 1986, nhỏ nhất là Nguyễn Văn Tỵ - sinh năm 1990, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ thu:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Nguyên đơn bà Ô Kim X trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Bà X và ông D tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện đã hơn 37 năm (sống chung năm 1983), có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cải vã với nhau, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay, ông D sống riêng không có sống chung với gia đình.

Tuy nhiên, vợ chồng đã lớn tuổi, nên không cần phải ly hôn, do đó bà Ô Kim X không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- *Về con chung*: Có 04 người con chung, người con lớn nhất là Nguyễn Tuấn Em – sinh năm 1986, nhỏ nhất là Nguyễn Văn Tỵ - sinh năm 1990, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ thu:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Nguyễn Văn D trình bày yêu cầu: Ông D yêu cầu ly hôn với bà X; Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Ô Kim X vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ô Kim X đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2, nhưng bà X vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Ô Kim X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1983 ông D và bà X tiến đến hôn nhân, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà X được xác lập trước ngày 03/01/1987 (sống chung năm 1983, người con đầu của vợ chồng ông D và bà X sinh năm 1986), nên căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và điểm c.1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 13/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn D và bà Ô Kim X được công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của ông D, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau gần 10 năm nay, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ông D yêu cầu ly hôn với bà X.

Bà X trình bày ý kiến: Vợ chồng có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân với nhau gần 10 năm, tuy nhiên bà X và ông D đã lớn tuổi nên bà X không đồng ý ly hôn với ông D.

Hội đồng xét xử nhận định: Cuộc sống gia đình của ông D và bà X đã xảy ra mâu thuẫn hơn 10 năm và đã ly thân từ đó cho đến nay, trong quá trình ly thân thì hai bên không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà X.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Các đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông D có đơn đề nghị miễn nộp án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi, nên ông D được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn D đối với bà Ô Kim X.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn D được miễn nộp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn